

SỞ GD&ĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT PHÚ BÌNH

ĐỀ THI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2017 - 2018
MÔN ĐỊA LÍ - LỚP 10

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1: Phương pháp bản đồ – biểu đồ thường được dùng để thể hiện:

- A. Động lực phát triển của 1 hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ
- B. Giá trị tổng cộng của 1 hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ
- C. Cơ cấu giá trị của 1 hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ
- D. Chất lượng của 1 hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ

Câu 2: Lực được sinh ra bên trong của Trái Đất được gọi là:

- A. nội lực
- B. lực quán tính
- C. lực li tâm
- D. lực hấp dẫn

Câu 3: Trên bản đồ kinh tế – xã hội, các đối tượng địa lí thường được thể hiện bằng phương pháp kí hiệu đường chuyển động là:

- A. Các nhà máy, đường giao thông
- B. Biên giới, đường giao thông
- C. Các luồng di dân, các luồng vận tải..
- D. Các nhà máy, sự trao đổi hàng hoá..

Câu 4: Đặc điểm nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của quá trình đô thị hóa?

- A. Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị
- B. Dân thành thị có xu hướng giảm
- C. Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn
- D. Dân thành thị có xu hướng tăng

Câu 5: Trên Trái đất có mấy đới khí hậu?

- A. 7 đới
- B. 5 đới
- C. 6 đới
- D. 4 đới

Câu 6: Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là:



- A. địa hình B. khí hậu C. sinh vật D. đất mẹ

Câu 7: Nhận định nào dưới đây **chưa chính xác**?

- A. Địa hình hàm ếch ở bờ biển được hình thành chủ yếu do tác dụng của sóng biển
B. Ở những vùng giá lạnh quá trình mài mòn diễn ra chủ yếu là dưới tác động của băng hà
C. Các khe rãnh là dạng địa hình chủ yếu do dòng nước tạm thời tạo thành
D. Dạng địa hình tiêu biểu cho quá trình thổi mòn là các nấm đá, hang đá

Câu 8: Thạch quyển được giới hạn bởi :

- A. vỏ Trái Đất và lớp Manti B. vỏ Trái Đất và phần trên cùng của lớp Manti
C. vỏ Trái Đất D. lớp Manti

Câu 9: Sông có chiều dài lớn nhất Thế Giới là:

- A. Sông Trường Giang B. Sông Missisipi C. Sông Nin D. Sông Amadôn

Câu 10: Qui luật địa đới là quy luật về

- A. sự thay đổi có qui luật của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo kinh độ
B. sự thay đổi của khí hậu theo vĩ độ
C. sự thay đổi của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo vĩ độ.
D. sự thay đổi có qui luật của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo vĩ độ

Câu 11: “ Trong tự nhiên, nếu một thành phần thay đổi sẽ dẫn tới sự thay đổi của các thành phần còn lại và toàn bộ lãnh thổ”, là biểu hiện của quy luật

- A. Địa đới B. thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí
C. phi địa đới. D. địa ô.

Câu 12: Trong khi Trái Đất tự quay quanh trục những địa điểm không thay đổi vị trí là:

- A. Hai cực B. Vòng cực C. Xích đạo D. Hai chí tuyến

Câu 13: Toàn bộ các loại thực vật khác nhau sinh sống trên một vùng rộng lớn được gọi là:

- A. rừng B. Hệ thực vật C. thảm thực vật D. nguồn nước

Câu 14: Dân cư thường tập trung đông đúc ở những vùng có

A. địa hình bằng phẳng, đất đai màu mỡ

B. địa hình caxtơ

C. địa hình núi cao

D. địa hình bị chia cắt mạnh

Câu 15: Giờ quốc tế được lấy theo giờ của:

A. múi giờ số 0

B. múi số 23

C. múi số 7

D. múi giờ số 1

Câu 16: Cơ cấu dân số theo tuổi **không** thể hiện được

A. khả năng phát triển dân số và nguồn lao động.

B. tuổi thọ

C. tỉ suất gia tăng cơ học

D. tình hình sinh, tử.

Câu 17: Vùng chí tuyến và lân cận thường có lượng mưa rất thấp vì

A. khu vực này có nhiều hoang mạc

B. khí áp cao, không khí khó bốc lên, tỉ lệ lục địa lớn

C. có các dãy núi cao ngăn cản không cho hơi nước từ biển vào đất liền.

D. có nhiều dòng biển lạnh chảy qua

Câu 18: Sự biến động dân số trên thế giới (tăng lên hay giảm đi) do hai nhân tố chủ yếu quyết định là

A. di cư và tử vong

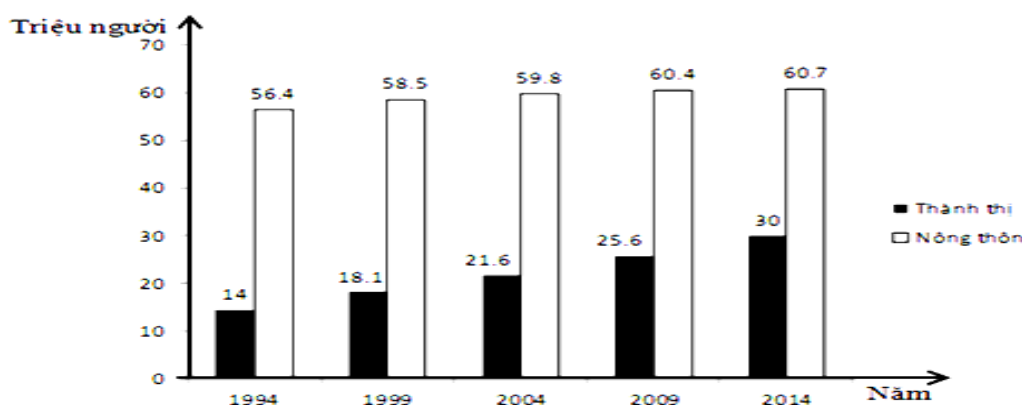
B. sinh đẻ và tử vong

C. di cư và chiến tranh dịch bệnh

D. sinh đẻ và di cư

Câu 19. Cho biểu đồ

SỐ DÂN PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1994 - 2014



Nhận xét nào sau đây đúng về số dân thành thị và nông thôn nước ta giai đoạn 1994 - 2014

- A. Số dân thành thị tăng nhanh hơn số dân nông thôn.
- B. Số dân thành thị lớn hơn số dân nông thôn.
- C. Số dân thành thị tăng không liên tục.
- D. Số dân nông thôn ngày càng ít.

Câu 20. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CỦA THẾ GIỚI (đơn vị: %)

Cây lương thực	1990	2008
Tổng số	100	100
Lúa mì	30,4	27,5
Lúa gạo	26,2	27,3
Ngô	24,6	32,8
Cây lương thực khác	18,8	12,4

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 1990 và năm 2008 là biểu đồ:

- A. cột
- B. tròn
- C. đường
- D. miền

Câu 21. Cho bảng số liệu :

TỈ TRỌNG DÂN SỐ THÀNH THỊ CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NHÓM NƯỚC

(đơn vị %)

Năm	1950	1990	2005
Toàn thế giới	29,2	43,0	48,0
Các nước phát triển	54,9	73,7	76,0
Các nước đang phát triển	17,8	34,7	41,0

Dựa vào bảng số liệu, nhận xét nào sau đúng về tỉ trọng dân số thành thị của các nước phát triển thời kì 1950 – 2005.

- A. Tỉ trọng dân số thành thị của các nước phát triển luôn cao hơn các nước đang phát triển và tỉ trọng chung của thế giới.
- B. Tỉ trọng dân số thành thị của các nước đang phát triển chiếm tỉ trọng thấp và có xu hướng

giảm.

C. Tỷ trọng dân số thành thị của các nước phát triển chiếm tỷ trọng thấp và có xu hướng tăng.

D. Tỷ trọng dân số thành thị của thế giới thấp và có xu hướng giảm.

Câu 22. Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ MỘT SỐ VÙNG NƯỚC TA, NĂM 2006

Vùng	Đồng bằng sông Hồng	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ
Dân số (nghìn người)	18208	4869	12068
Diện tích (Km ²)	14863	54660	23608

Mật độ dân số theo thứ tự giảm dần là:

A. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên

B. Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên

C. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Hồng

D. Đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ

Câu 23. Cho bảng số liệu sau:

Năm	1985	1989	1999	2005
Dân số (triệu người)	60,0	64,4	76,3	80,3

Nhận định đúng nhất là:

A. Dân số nước ta tăng với tốc độ ngày càng nhanh.

B. Dân số nước ta giảm nhanh

C. Dân số nước ta tăng, giảm không ổn định

D. Dân số nước ta giảm chậm

Câu 24: Nhận định nào dưới đây **chưa chính xác**

A. Sinh vật không phân bố đồng đều trên toàn chiều dài của sinh quyển

B. Chiều dày của sinh quyển tùy thuộc vào giới hạn phân bố của thực vật

C. Sinh quyển tập trung vào nơi có thực vật mọc

D. Chiều dày của sinh quyển không đồng nhất trên toàn Trái Đất

Câu 25: Sóng biển là



- A. chuyển động thường xuyên và có chu kì của nước biển.
- B. chuyển động lên xuống của nước biển.
- C. sự dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.
- D. sự dao động của nước biển theo chiều ngang.

Câu 26: Khu vực chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch thường mưa ít vì:

- A. Gió Mậu dịch không thổi qua đại dương
- B. gió Mậu dịch thổi mạnh
- C. gió Mậu dịch thổi yếu
- D. Gió Mậu dịch chủ yếu là gió khô

Câu 27: Khối khí chí tuyến lục địa được kí hiệu là:

- A. TM
- B. Tm
- C. TC
- D. Tc

Câu 28: 7. Hiện tượng nào dưới đây **không** thuộc biểu hiện của ngoại lực là:

- A. Gió thổi
- B. Phun trào mắc ma
- C. Mưa rơi
- D. Quang hợp

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Trình bày khái niệm, nguyên nhân và biểu hiện của quy luật địa ô.

Câu 2 (1,5 điểm): Trình bày khái niệm phân bố dân cư, mật độ dân số? Nêu đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới?

----- **HẾT** -----

SỞ GD - ĐT HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT THANH MIỆN

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

NĂM HỌC: 2017- 2018

MÔN THI: ĐỊA LÝ- KHỐI 10

MÃ ĐỀ 021

Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

Họ, tên thí sinh:.....

SBD.....

I. Phần trắc nghiệm:

Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân em hãy chọn phương án trả lời đúng nhất tương ứng với nội dung mỗi câu hỏi :

Câu 1. Trong quá trình chuyển động biểu kiến hằng năm, Mặt Trời lên thiên đỉnh ở Xích đạo vào các ngày:

- A. 21- 3 và 22 – 6.
- B. 22 – 6 và 22 – 12.
- C. 21 – 3 và 23 – 9.
- D. 22 – 12 và 21 – 3

Câu 2. Theo dương lịch, các ngày xuân phân, hạ chí, thu phân, đông chí ở bán cầu Nam lần lượt là:

- A. 23 – 9 ; 22 – 12 ; 21 – 3 ; 22 – 6.
- B. 22 – 12 ; 21 – 3 ; 22 – 6 ; 23 – 9 .
- C. 21 – 3 ; 22 – 6 ; 23 – 9 ; 22 – 12 .
- D. 22 – 6 ; 23 – 9 ; 22 – 12 ; 21 – 3.

Câu 3. Ở bán cầu Bắc , hiện tượng ngày dài hơn đêm diễn ra trong khoảng thời gian:

- A. Từ 21 – 3 đến 23 – 9.
- B. Từ 22 – 6 đến 22 – 12.
- C. Từ 23 – 9 đến 21 – 3.
- D. Từ 22 – 12 đến 22 – 6.

Câu 4. Một trận bóng đá của giải vô địch thế giới ở Hàn Quốc (múi h số 8) diễn ra 13 giờ 01/06/2002 được truyền hình trực tiếp. Cho biết thời điểm đó, GMT là mấy giờ:

- A. 3 giờ cùng ngày
- B. 4 giờ giờ cùng ngày
- C. 5 giờ giờ cùng ngày
- D. 6 giờ ngày 02/06/2002

Câu 5. Frông ôn đới (FP) là frông hình thành do sự tiếp xúc của 2 khối khí:

- A. Khối khí địa cực và ôn đới
- B. Khối khí địa cực lục địa và địa cực hải dương
- C. Khối khí ôn đới lục địa và ôn đới hải dương
- D. Khối khí ôn đới và chí tuyến



Câu 6. Sông Nin (sông dài nhất thế giới) nằm ở:

- A. Châu Phi. B. Châu Âu. C. Châu Á. D. Bắc Mỹ.

Câu 7. Sông ngòi ở khí hậu nào dưới đây có đặc điểm "nhiều nước quanh năm ":

- A. Khí hậu nhiệt đới gió mùa.
B. Khí hậu xích đạo
C. Khí hậu ôn đới lục địa.
D. Khí hậu cận nhiệt đới gió mùa.

Câu 8. Gió tây ôn đới là loại gió

- A. Thổi từ miền ôn đới tới miền nhiệt đới.
B. Thổi từ miền ôn đới lên miền cực.
C. Thổi từ áp cao cận nhiệt đới về phía áp thấp ôn đới.
D. Thổi từ áp cao cực về phía áp thấp ôn đới.

Câu 9. Gió Mậu Dịch có đặc điểm là:

- A. Chủ yếu thổi vào mùa hạ , nóng ẩm , tốc độ gió và hướng gió thay đổi theo mùa
B. Chủ yếu thổi vào mùa đông , lạnh , khô , tốc độ gió và hướng gió thay đổi theo mùa
C. Thổi quanh năm , tốc độ và hướng gió gần như cố định, tính chất chung là ẩm ướt.
D. Thổi quanh năm, tốc độ và hướng gió gần như cố định , tính chất chung là khô.

Câu 10. Khối khí có đặc điểm rất lạnh và khô ký hiệu là:

- A. Am. B. Ac. C. Pc. D. Pm.

Câu 11. Các khu khí áp thấp thường là nơi có lượng mưa lớn trên thế giới vì:

- A. Không khí ở đó loãng, dễ bị lạnh hơi nước ngưng tụ sinh ra mưa
B. Không khí ở đó bị đẩy lên cao hơi nước gặp lạnh ngưng tụ sinh ra mưa
C. Nơi đây nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn nhiệt độ cao nước bốc hơi nhiều sinh ra mưa
D. Nơi đây nhận được rõ ẩm từ các nơi thổi đến mang theo mưa.

Câu 12. Đất mẹ là nguồn cung cấp chất vô cơ trong đất , có vai trò quyết định tới:

- A. Độ tơi xốp của đất.
B. Lượng chất dinh dưỡng trong đất.
C. Thành phần khoáng vật , thành phần cơ giới của đất.
D. Khả năng thấm thấu nước và không khí của đất.

Câu 13. Cho ô thông tin sau:

Theo trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn Trung Ương vừa ra thông báo khẩn cấp. Đêm 15, sáng sớm 16/12/2016 vừa qua lũ trên các sông Miền Trung lên rất nhanh vượt mức báo động 3. Tình hình mưa lũ diễn ra rất nghiêm trọng, phức tạp và kéo dài. Nguyên nhân là do các hồ thủy điện đồng loạt xả lũ vì vậy nguy cơ xảy ra lũ lớn, lũ quét, sạt lở đất gây ảnh hưởng lớn đến đời sống và kinh tế người dân

Theo em việc làm trên vi phạm quy luật tự nhiên nào:

- A. Quy luật địa đới
B. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh lớp vỏ địa lý.
C. Quy luật địa ô
D. Quy luật đai cao.

Câu 14. Vào mùa mưa , lượng nước mưa tăng nhanh khiến mực nước sông ngòi dâng cao . Sông trở nên chảy xiết ,tăng cường phá hủy các lớp đất đá ở thượng lưu . Con sông mang nặng phù sa

đưa về bồi đắp cho các cánh đồng ở hạ lưu. Trong tình huống này, có sự tác động lẫn nhau của các thành phần nào trong lớp vỏ địa lý:

- A. Khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thổ nhưỡng quyển.
- B. Thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển, thổ nhưỡng quyển.
- C. Khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển.
- D. Khí quyển, thủy quyển, thạch quyển, thổ nhưỡng quyển

Câu 15. Dân số thế giới tăng hay giảm là do:

- A. Sinh đẻ và tử vong.
- B. Số trẻ tử vong hằng năm.
- C. Số người nhập cư.
- D. Số người xuất cư.

Câu 16. Thông thường, nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi được gọi là nhóm:

- A. Trong độ tuổi lao động.
- B. Trên độ tuổi lao động.
- C. Dưới độ tuổi lao động.
- D. Độ tuổi chưa thể lao động.

II. Tự luận (6.0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm)

Em hãy trình bày khái niệm và nguyên nhân và biểu hiện quy luật thống nhất và hoàn chỉnh lớp vỏ địa lý?

Câu 2. (2.0 điểm)

Khi nói về hoạt động sản xuất nông nghiệp, tục ngữ Việt Nam có câu:

“Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”.

Nội dung câu tục ngữ trên nói về ảnh hưởng của nhân tố nào đến hoạt động sản xuất nông nghiệp? Hãy phân tích?

Câu 3. (3.0 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

Tỉ lệ dân cư thành thị và nông thôn trên thế giới, năm 1980 và 2005.

(Đơn vị: %)

Năm Khu vực	1980	2005
Nông thôn	60,4	52,0
Thành thị	39,6	48,0
Thế giới	100,0	100,0



- a. Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu dân cư thành thị và nông thôn trên thế giới năm 1980 và 2005
- b. Từ biểu đồ và bảng số liệu, em hãy rút ra nhận xét sự thay đổi cơ cấu dân cư thành thị và nông thôn trên thế giới thời gian trên.

----- **Hết** -----

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu.)

www.hoc247.net



SỞ GD&ĐT ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG THPT GIA NGHĨA
ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2017 - 2018
MÔN: ĐỊA LÝ 10

Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1: Vai trò nào sau đây không đúng với ngành sản xuất nông nghiệp?

- A. Tạo ra máy móc thiết bị cho sản xuất
- B. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người
- C. Đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến
- D. Mặt hàng xuất khẩu thu ngoại tệ

Câu 2: Đặc điểm sinh thái phù hợp với cây cao su:

- A. Cần nhiều đất tốt và phân bón.
- B. Đòi hỏi nhiệt, ẩm cao, chống chịu tốt gió bão.
- C. Ưa nhiệt, ẩm, không chịu được với gió bão.
- D. Ưa nhiệt, ẩm, không chịu được với gió bão, đất tơi xốp, có độ pH cao.

Câu 3: Các cường quốc dân số trên thế giới tập trung chủ yếu ở châu lục:

- A. Châu Á
- B. Châu Âu
- C. Châu Phi
- D. Châu Mỹ

Câu 4: Trong sản xuất nông nghiệp, đất trồng được coi là:

- A. Tư liệu sản xuất chủ yếu
- B. Đối tượng lao động
- C. Cơ sở vật chất
- D. Công cụ lao động

Câu 5: Nước có dân số đông nhất thế giới hiện nay là

- A. Hoa Kỳ.
- B. Trung Quốc
- C. Nhật Bản.
- D. Ấn Độ

Câu 6: Nhận xét nào dưới đây chưa chính xác?

- A. Tất cả các thành phần của lớp vỏ địa lí đều đồng thời chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của ngoại lực và nội lực.
- B. Trong tự nhiên, bất cứ lãnh thổ nào cũng gồm nhiều thành phần của lớp vỏ địa lí ảnh hưởng qua lại phụ thuộc nhau
- C. Một thành phần của lớp vỏ địa lí biến đổi sẽ kéo theo sự biến đổi của tất cả các thành phần



còn lại và toàn bộ lãnh thổ.

D. Lớp vỏ địa lí chỉ thay đổi khi tất cả các thành phần của nó có sự biến đổi

Câu 7: Động lực phát triển dân số thế giới là

A. gia tăng tự nhiên **B.** gia tăng dân số **C.** gia tăng cơ học **D.** mức sinh cao

Câu 8: Thổ nhưỡng (đất) là

A. lớp vật chất tối xốp trên bề mặt lục địa, được đặc trưng bởi độ phì.

B. nơi con người sinh sống.

C. lớp vật chất trên lục địa, nằm trên lớp đá gốc.

D. lớp vật chất tối xốp trên bề mặt lục địa.

Câu 9: Mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực được xác định là:

A. Quan hệ phụ thuộc

B. Quan hệ bất bình đẳng

C. Quan hệ hợp tác, hỗ trợ

D. Quan hệ cạnh tranh

Câu 10: Sự phát triển và phân bố chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào:

A. Thị trường tiêu thụ sản phẩm.

B. Con giống.

C. Hình thức chăn nuôi.

D. Cơ sở thức ăn.

Câu 11: Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên được xác định bằng hiệu số giữa:

A. tỉ suất sinh thô và gia tăng sinh học.

B. tỉ suất tử thô và gia tăng cơ học.

C. tỉ suất thô và tỉ suất tử vong ở trẻ em.

D. tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.

Câu 12: Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là

A. địa hình.

B. sinh vật.

C. đá mẹ.

D. khí hậu.

Câu 13: Sự biến động dân số trên thế giới (tăng lên hay giảm đi) là do hai nhân tố chủ yếu quyết định:

A. di cư và chiến tranh, dịch bệnh.

B. sinh đẻ và tử vong.

C. sinh đẻ và di cư.

D. di cư và tử vong.

Câu 14: Với sự phát triển kinh tế – xã hội của một quốc gia nguồn lực có vai trò quyết định là:

A. Ngoại lực

B. Tài nguyên thiên nhiên

C. Nội lực

D. Vị trí địa lí



Câu 15: Dân số thế giới hiện nay hơn (tỉ người)

- A. 9. B. 10. C. 7. D. 8.

Câu 16: Số lượng các vòng đai nhiệt từ Bắc cực đến Nam cực là

- A. bốn vòng đai B. năm vòng đai C. bảy vòng đai D. sáu vòng đai

Câu 17: Giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở đại dương là

- A. độ sâu khoảng 5000m B. độ sâu khoảng 8000m
C. đáy thềm lục địa D. đáy vực thẳm đại dương

Câu 18: Quy luật địa đới là

- A. sự thay đổi của khí hậu theo vĩ độ
B. sự thay đổi của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo vĩ độ
C. sự thay đổi có qui luật của các thành phần địa lí và các cảnh quan địa lí theo vĩ độ
D. sự thay đổi có qui luật của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo kinh độ

Câu 19: Vai trò nào sau đây **không** đúng với ngành chăn nuôi:

- A. Cung cấp nguồn lương thực bổ dưỡng cho con người.
B. Đảm bảo nâng cao dinh dưỡng trong bữa ăn hằng ngày.
C. Nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
D. Mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

Câu 20: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với ngành nông nghiệp:

- A. Cây trồng, vật nuôi là đối tượng lao động
B. Sản xuất có tính thời vụ.
C. Sản xuất không phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.
D. Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu.

Câu 21: Nguồn lực được xác định là điều kiện cần cho quá trình sản xuất:

- A. Đường lối chính sách B. Vị trí địa lí
C. Dân cư và nguồn lao động D. Tài nguyên thiên nhiên

Câu 22: Nhận định nào dưới đây chưa chính xác?

- A. Chiều dày của sinh quyển tùy thuộc vào giới hạn phân bố của thực vật.



- B. Sinh quyển tập trung vào nơi có thực vật mọc.
- C. Chiều dày của sinh quyển không đồng nhất trên toàn Trái Đất.
- D. Sinh vật không phân bố đồng đều trên toàn chiều dày của sinh quyển.

Câu 23: Giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở lục địa là:

- A. Giới hạn dưới của tầng trầm tích
- B. Giới hạn dưới của lớp vỏ phong hóa
- C. Giới hạn dưới của lớp vỏ Trái Đất
- D. Giới hạn dưới của tầng bzan

Câu 24: Trong sản xuất nông nghiệp, tính chất và độ phì của đất có ảnh hưởng lớn đến:

- A. qui mô sản xuất
- B. Năng suất cây trồng
- C. Sự phân bố cây trồng
- D. Quy mô và cơ cấu cây trồng

Câu 25: Nguồn lực bên ngoài (ngoại lực) bao gồm:

- A. Vị trí địa lý, vốn, thị trường, kinh nghiệm quản lí sản xuất
- B. Khoa học và công nghệ, thị trường, kinh nghiệm quản lí sản xuất, vốn đầu tư...
- C. Đường lối chính sách, khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lí sản xuất
- D. Hệ thống tài sản quốc gia, khoa học và công nghệ, vốn, kinh nghiệm quản lí sản xuất

Câu 26: Sự phân chia thành các nguồn lực vị trí địa lí, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực kinh tế – xã hội là dựa vào

- A. tính chất tác động của nguồn lực
- B. nguồn gốc
- C. dân số và nguồn lao động
- D. chính sách và xu thế phát triển

Câu 27: Mục đích sử dụng lương thực ở các nước đang phát triển thường là:

- A. hàng xuất khẩu.
- B. thức ăn chăn nuôi.
- C. làm lương thực cho người.
- D. nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Câu 28: Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. giới hạn trên tầng đối lưu.
- B. đỉnh Evoret.
- C. nơi tiếp giáp tầng iôn.
- D. nơi tiếp giáp tầng ôdôn.

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO KHU VỰC KINH TẾ (Đơn vị: %)



Nước	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Mê - hi - cô	28	24	48

Hãy vẽ **biểu đồ hình tròn** thể hiện cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của nước Mê – hi – cô, năm 2004. Nhận xét?

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT
LƯƠNG NGỌC QUYẾN

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2017 – 2018
Môn: ĐỊA LÍ 10
Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian phát đề)

Họ, tên học sinh:.....Lớp:.....

Phòng:.....SBD:.....

Chú ý: Học sinh **ghi mã đề** vào bài thi, **kẻ ô sau** vào bài thi và **điền đáp án đúng**.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án																		

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (6,0 ĐIỂM)

Câu 1: Ở vùng núi cao quá trình hình thành đất yếu, chủ yếu là do

- A. trên núi cao áp suất không khí nhỏ.
- C. lượng mùn ít.
- B. nhiệt độ thấp nên quá trình phong hoá chậm.
- D. độ ẩm quá cao.

Câu 2: Thảm thực vật và nhóm đất chính phát triển trên kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa là

- A. rừng nhiệt đới ẩm - đất đỏ vàng.
- B. rừng lá rộng - đất đỏ nâu.
- C. xavan - đất đỏ vàng.
- D. rừng nhiệt đới ẩm - đất nâu.

Câu 3: Muốn đưa bất kì lãnh thổ nào vào mục đích kinh tế, cần phải

- A. nghiên cứu kĩ toàn diện tất cả các yếu tố.
- B. nghiên cứu kĩ khí hậu, đất đai.
- C. nghiên cứu kĩ địa chất, địa hình.
- D. nghiên cứu kĩ khí hậu, đất đai, sinh vật.

Câu 4: Số lượng các vòng đai nhiệt từ Bắc cực đến Nam cực là

- A. năm vòng đai.
- B. sáu vòng đai.
- C. bảy vòng đai.
- D. bốn vòng đai.

Câu 5: Tác động nào sau đây của con người không làm đe dọa và tiêu diệt các loài sinh vật

- A. phá rừng, làm thu hẹp diện tích rừng.
- B. áp dụng rộng rãi các giống cây trồng mới trong nông nghiệp.
- C. đưa cây trồng vật nuôi, vật nuôi từ châu lục này sang châu lục khác.
- D. lai tạo các giống mới.

Câu 6: Thảm thực vật và nhóm đất chính phát triển trên kiểu khí hậu ôn đới lục địa lạnh là

- A. rừng lá kim - đất nâu.
- B. rừng lá kim - đất pôtdôn.
- C. rừng lá rộng - đất đen.
- D. rừng lá kim - đất xám.

Câu 7: Giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở lục địa là

- A. giới hạn dưới của lớp vỏ Trái Đất.
- B. giới hạn dưới của lớp vỏ phong hoá.
- C. giới hạn dưới của tầng trầm tích.
- D. giới hạn dưới của tầng badan.

Câu 8: Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của lớp vỏ Địa lí



- A. các thành phần tự nhiên được thể hiện rõ nhất ở bề mặt đất.
- B. được cấu tạo bởi đá trầm tích, granit, đá bazan.
- C. nơi có sự xâm nhập tác động lẫn nhau của các lớp vỏ bộ phận.
- D. chiều dày không lớn, tối đa 30 – 35km.

Câu 9: Tỉ suất tử vong trên toàn thế giới hiện nay có xu hướng giảm đi rõ rệt so với thời gian trước đây. Điều đó không phụ thuộc vào

- A. tiến bộ của y tế và khoa học – kĩ thuật.
- B. sự cải thiện về thu nhập và điều kiện sống.
- C. sự suy giảm các thiên tai.
- D. nhận thức về y tế cộng đồng của người dân.

Câu 10: Thảm thực vật và nhóm đất chính phát triển trên kiểu khí hậu cận nhiệt Địa Trung Hải là

- A. rừng lá rộng - đất đỏ nâu.
- B. rừng - cây bụi lá cứng cận nhiệt - đất đỏ nâu.
- C. rừng - cây bụi nhiệt đới - đất đỏ nâu.
- D. rừng - cây bụi lá cứng cận nhiệt - đất đỏ vàng.

Câu 11: Nhận định nào dưới đây chưa chính xác

- A. tất cả các thành phần của lớp vỏ Địa lí đều đồng thời chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của ngoại lực và nội lực.
- B. trong tự nhiên, bất cứ lãnh thổ nào cũng gồm nhiều thành phần của lớp vỏ Địa lí ảnh hưởng qua lại phụ thuộc nhau.
- C. lớp vỏ địa lí chỉ thay đổi khi tất cả các thành phần của nó có sự biến đổi.
- D. một thành phần của lớp vỏ Địa lí biến đổi sẽ kéo theo sự biến đổi của tất cả các thành phần khác.

Câu 12: Nguyên nhân hình thành qui luật địa đới trên Trái Đất là

- A. sự thay đổi mùa trong năm.
- B. sự thay đổi lượng bức xạ Mặt Trời trong năm.
- C. sự thay đổi bức xạ Mặt Trời theo vĩ độ.
- D. sự chênh lệch thời gian chiếu sáng trong năm theo vĩ độ.

Câu 13: Nhận định nào sau đây chưa chính xác về tỉ suất sinh thô của thế giới thời kì 1950 - 2005

- A. tỉ suất sinh thô không đều giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển.
- B. tỉ suất sinh thô giữa các nhóm nước có xu hướng giảm dần.
- C. tỉ suất sinh thô của các nước đang phát triển tăng nhanh.
- D. tỉ suất sinh thô của các nước đang phát triển cao hơn các nước phát triển.

Câu 14: Sinh quyển là

- A. là quyển của Trái Đất, trong đó thực vật và động vật sinh sống.
- B. nơi sinh sống của toàn bộ sinh vật.
- C. nơi sinh sống của thực vật và động vật.
- D. là một quyển của Trái Đất, trong đó có toàn bộ sinh vật sinh sống.

Câu 15: Nhận định nào dưới đây là chưa chính xác

- A. tầng badan không nằm trong giới hạn của lớp vỏ địa lý.
- B. giới hạn trên của lớp vỏ địa lí là giới hạn trên của tầng bình lưu.
- C. lớp vỏ địa lí ở lục địa không bao gồm tất cả các lớp của vỏ lục địa.
- D. trong lớp vỏ địa lí, các quyển có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau.

Câu 16: Những ví dụ nào dưới đây không biểu hiện quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ Địa lí

- A. thực vật rừng bị phá hủy, đất sẽ bị xói mòn, khí hậu bị biến đổi.
- B. lượng mưa tăng lên làm tăng lưu lượng nước sông.
- C. càng về vĩ độ thấp, thời gian chiếu sáng càng ngắn, nhiệt độ càng thấp.

D. khí hậu biến đổi từ khô hạn sang ẩm ướt làm thay đổi chế độ dòng chảy.

Câu 17: Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên được xác định bằng hiệu số giữa

- A. tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử vong ở trẻ em.
- B. tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.
- C. tỉ suất tử thô và gia tăng cơ học.
- D. tỉ suất tử thô và gia tăng sinh học.

Câu 18: Nhân tố đá mẹ có vai trò quyết định đến

- A. thành phần khoáng vật trong đất và thành phần cơ giới của đất.
- B. thành phần khoáng vật và thành phần hữu cơ của đất.
- C. thành phần vô cơ và thành phần hữu cơ của đất.
- D. thành phần cơ giới và thành phần hữu cơ của đất.

II. TỰ LUẬN: (4,0 ĐIỂM)

Câu 1: (1,5 điểm)

Hãy trình bày ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường?

Câu 2:(2,5 điểm) Cho bảng số liệu sau: Diện tích, dân số thế giới và các châu lục, năm 2005

Châu lục	Diện tích (triệu km ²)	Dân số (triệu người)
Châu Phi	30,3	906
Châu Mỹ	42,0	888
Châu Á	31,8	3920
Châu Âu	23,0	730
Châu Đại Dương	8,5	33
Toàn thế giới	135,6	6477

- a. Tính mật độ dân số thế giới và các châu lục.
- b. Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện mật độ dân số thế giới và các châu lục.

----- Hết -----

(Học sinh không được sử dụng tài liệu)



SỞ GD-ĐT BÌNH ĐỊNH

ĐỀ THI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2017- 2018**TRƯỜNG THPT NGÔ LÊ TÂN****Môn: ĐỊA LÍ 10***Thời gian: 45 phút (không kể thời gian phát đề)*

Họ, tên thí sinh:..... Lớp:

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) Chọn đáp án đúng**Câu 1:** Vai trò quan trọng nhất của nông nghiệp mà không ngành nào có thể thay thế được là

- A. cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
- B. cung cấp lương thực, thực phẩm đảm bảo sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.
- C. tạo việc làm cho người lao động.
- D. sản xuất ra những mặt hàng xuất khẩu để tăng nguồn thu ngoại tệ.

Câu 2: Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào nhân tố nào sau đây?

- A. Cơ sở nguồn thức ăn.
- B. Dịch vụ thú y.
- C. Thị trường tiêu thụ.
- D. Giống gia súc, gia cầm.

Câu 3: Giả sử tỉ suất gia tăng dân số của toàn thế giới năm 2015 là 1,2% và không thay đổi trong suốt thời kì 2000 – 2020, biết rằng số dân toàn thế giới năm 2015 là 7346 triệu người . Số dân của năm 2016 sẽ là

- A. 7522,35 triệu người.
- B. 7468,25 triệu người.
- C. 7434,15 triệu người.
- D. 7458,25 triệu người.

Câu 4: Cây lúa gạo thích hợp với điều kiện sinh thái nào sau đây?

- A. Khí hậu ẩm, khô, đất màu mỡ.
- B. Khí hậu nóng, đất ẩm.
- C. Khí hậu khô, đất thoát nước.
- D. Khí hậu nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa.

Câu 5: Những cây hoa màu nào sau đây được trồng ở miền ôn đới?

- A. Khoai tây, đại mạch, yến mạch.
- B. Khoai tây, cao lương, kê.
- C. Mạch đen, sắn, kê.
- D. Khoai lang, yến mạch, cao lương.

Câu 6: Ảnh hưởng tích cực của đô thị hóa là



- A. tỉ lệ dân số thành thị tăng lên một cách tự phát.
- B. tình trạng thất nghiệp ở thành thị ngày càng tăng.
- C. làm cho nông thôn mất đi nguồn nhân lực lớn.
- D. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động .

Câu 7: Hình thức chăn nuôi nào sau đây là biểu hiện của nền nông nghiệp hiện đại?

- A. Chăn nuôi chăn thả.
- B. Chăn nuôi nửa chuồng trại.
- C. Chăn nuôi chuồng trại.
- D. Chăn nuôi công nghiệp.

Câu 8: Cơ cấu nền kinh tế bao gồm:

- A. cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu lao động, cơ cấu vốn đầu tư.
- B. cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu vùng kinh tế, cơ cấu lãnh thổ.
- C. nông – lâm - ngư nghiệp, công nghiệp – xây dựng dịch vụ.
- D. cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu lãnh thổ.

Câu 9: Mục đích chủ yếu của trang trại là sản xuất hàng hóa với cách thức tổ chức và quản lí sản xuất tiến bộ dựa trên

- A. tập quán canh tác cổ truyền.
- B. chuyên môn hóa và thâm canh.
- C. công cụ thủ công và sức người.
- D. nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tại chỗ.

Câu 10: Tỉ suất tử thô của nhóm nước đang phát triển năm 2015 là 7‰ có nghĩa là

- A. Trong năm 2015, trung bình 1000 dân, có 7 người chết .
- B. Trong năm 2015, trung bình 1000 dân, có 7 trẻ em có nguy cơ tử vong .
- C. Trong năm 2015, trung bình 1000 dân, có 7 trẻ em chết.
- D. Trong năm 2015, trung bình 1000 dân, có 7 trẻ em sinh ra còn sống.

Câu 11: Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi là dưới 25% , nhóm tuổi trên 60 trở lên là trên 15% thì được xếp là nước có

- A. dân số trung bình.
- B. dân số trẻ.
- C. dân số già.
- D. dân số cao.

Câu 12: Bộ phận dân số nào sau đây thuộc nhóm dân số hoạt động kinh tế?

- A. Học sinh, sinh viên.



B. Nội trợ.

C. Những người có nhu cầu lao động nhưng chưa có việc làm.

D. Những người tàn tật.

Câu 13: Đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt nông nghiệp với công nghiệp là

A. sản xuất có tính mùa vụ.

B. sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

C. đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế.

D. ứng dụng nhiều thành tựu của khoa học công nghệ và sản xuất.

Câu 14: Theo thống kê dân số Việt Nam năm 2016 là 94 triệu người; diện tích Việt Nam là 331 212km². Vậy mật độ dân số Việt Nam là bao nhiêu?

A. 283,8 km²

B. 283,2 km²

C. 283,4 km²

D. 283,6 km²

Câu 15: Nhân tố nào làm cho tỉ suất sinh cao?

A. Kinh tế - xã hội phát triển ở trình độ cao.

B. Phong tục tập quán lạc hậu.

C. Số người ngoài độ tuổi lao động nhiều.

D. Mức sống cao.

Câu 16: Nhân tố nào sau đây là căn cứ để phân loại nguồn lực?

A. Thời gian.

B. Nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ

C. Mức độ ảnh hưởng.

D. Vai trò.

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Trình bày vai trò của các nguồn lực đối với phát triển kinh tế. (Lấy ví dụ)

Câu 2: (1 điểm) Tại sao ngành nuôi trồng thủy sản thế giới ngày càng phát triển?

Câu 3: (1 điểm) Cơ cấu dân số già và cơ cấu dân số trẻ có những thuận lợi và khó khăn gì đối với việc phát triển kinh tế- xã hội?

Câu 4: (2 điểm) Cho bảng số liệu:

ĐÀN BÒ TRÊN THẾ GIỚI, THỜI KÌ 1980- 2002 (triệu con)



Năm Vật nuôi	1980	1992	1996	2002
Bò	1218,1	1281,4	1320,0	1360,5

- a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện số lượng đàn bò trên thế giới, thời kì 1980- 2002.
b. Nhận xét.

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT QUẢNG NGÃI
THPT PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2017-2018

MÔN: ĐỊA LÝ 10

Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1: Các dòng biển nóng thường có hướng chảy:

- A. Từ vĩ độ cao về vĩ độ thấp
- B. Bắc – Nam
- C. Từ vĩ độ thấp về vĩ độ cao
- D. Nam – Bắc

Câu 2: Trong tầng đối lưu, trung bình cứ lên cao 100m nhiệt độ sẽ giảm:

- A. $0,6^{\circ}\text{C}$
- B. 1°C
- C. $1,6^{\circ}\text{C}$
- D. $0,06^{\circ}\text{C}$

Câu 3: Khi nhiệt độ tăng sẽ dẫn đến khí áp:

- A. Chỉ giảm khi nhiệt độ tăng lên chưa đạt đến 30°C
- B. Không tăng, không giảm
- C. Tăng lên
- D. Giảm đi

Câu 4: Nhận định nào dưới đây chưa chính xác:

- A. Các khối khí được chia thành kiểu lục địa và hải dương là dựa vào các đặc tính về nhiệt độ của nó
- B. Mỗi bán cầu trên Trái Đất có bốn khối khí chính
- C. Các khối khí có sự phân bố theo vĩ độ tương đối rõ
- D. Khối khí xích đạo chỉ có kiểu hải dương do tỉ lệ diện tích lục địa ở khu vực xích đạo rất ít

Câu 5: Toàn bộ các loại thực vật khác nhau sinh sống trên một vùng rộng lớn được gọi là:

- A. Hệ thực vật
- B. Nguồn nước
- C. Thảm thực vật
- D. Rừng

Câu 6: Sóng thần là:

- A. Sóng do các thần linh tạo ra theo quan điểm của một số tôn giáo
- B. Do mẹ thiên nhiên nổi giận
- C. Sóng cao dữ dội, khoảng 20 – 30m



D. Sóng xuất hiện bất thần

Câu 7: Giới hạn dưới của sinh quyển là:

- A. Đáy đại dương (ở đại dương) và đáy của tầng phong hóa (ở lục địa)
- B. Độ sâu 11km
- C. Giới hạn dưới của lớp vỏ Trái Đất
- D. Giới hạn dưới của vỏ lục địa

Câu 8: Sông có chiều dài lớn nhất Thế Giới là:

- A. Sông Nin
- B. Sông Amadôn
- C. Sông Trường Giang
- D. Sông Missisipi

Câu 9: Hãy tính độ cao h của đỉnh núi (đơn vị: km)?

Biết rằng: Bên sườn A của núi có gió từ biển mang không khí ẩm từ biển thổi đến, gây mưa. Gió này vượt qua đỉnh núi, khi qua sườn B của núi: trở nên nóng khô. Nhiệt độ: dưới chân núi thuộc sườn A là 25°C và dưới chân núi thuộc sườn B là 45°C .

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 10: Hướng thổi thường xuyên của gió Tây ôn đới ở 2 bán cầu là:

- A. Tây Nam ở cả 1 bán cầu
- B. Tây Nam ở bán cầu Bắc và Tây Bắc ở bán cầu Nam
- C. Tây Bắc ở bán cầu Bắc và Tây Nam ở bán cầu Nam
- D. Tây Bắc ở cả 2 bán cầu

Câu 11: Frông khí quyển là:

- A. Mặt tiếp xúc với mặt đất của 1 khối khí
- B. Mặt tiếp xúc giữa 1 khối khí hải dương với 1 khối khí lục địa
- C. Mặt tiếp xúc của 2 khối khí có nguồn gốc khác nhau
- D. Mặt tiếp xúc giữa 2 khối không khí ở vùng ngoại tuyến

Câu 12: Vào thời gian đầu đông nước ta chịu ảnh hưởng của khối khí:

- A. Địa cực lục địa
- B. Ôn đới lục địa
- C. Ôn đới hải dương
- D. Chí tuyến lục địa



Câu 13: Dao động thủy triều lớn nhất khi:

- A. Mặt Trăng, Mặt Trời, Trái Đất nằm thẳng hàng
- B. Trái Đất nằm ở vị trí gần Mặt Trời nhất
- C. Mặt Trăng, Mặt Trời, Trái Đất nằm trên cùng một mặt phẳng
- D. Bán cầu bắc ngả về phí Mặt Trời

Câu 14: Dải hội tụ nhiệt đới hình thành từ 2 khối khí:

- A. Chí tuyến hải dương và chí tuyến lục địa
- B. Chí tuyến hải dương và xích đạo
- C. Chí tuyến lục địa và xích đạo
- D. Bắc xích đạo và Nam xích đạo

Câu 15: Ở vùng ôn đới lạnh, sông thường lũ lụt vào lúc :

- A. Mùa hạ là mùa mưa nhiều
- B. Mùa thu là mùa bắt đầu có tuyết rơi
- C. Mùa đông là mùa mưa nhiều
- D. Mùa xuân là mùa tuyết tan

Câu 16: Do mất hết hơi ẩm ở sườn đón gió → qua bên sườn đón gió, không khí trở nên khô và cứ xuống 100 mét: $t^{\circ}\text{C}$ lại tăng:

- A. $0,4^{\circ}\text{C}$
- B. $0,6^{\circ}\text{C}$
- C. $0,8^{\circ}\text{C}$
- D. 1°C

Câu 17: Frông ôn đới(FP) là frông hình thành do sự tiếp xúc của 2 khối khí:

- A. Ôn đới lục địa và ôn đới hải dương
- B. Địa cực và ôn đới
- C. Ôn đới và chí tuyến
- D. Địa cực lục địa và địa cực hải dương

Câu 18: Quyền chứa toàn bộ sự sống của trái đất gọi là:

- A. Thạch quyển
- B. Sinh quyển
- C. Thổ nhưỡng quyển
- D. Khí quyển

Câu 19: Nguyên nhân chủ yếu gây nên sóng thần là:

- A. Núi lửa phun dưới đáy biển
- B. Động đất dưới đáy biển
- C. Bão lớn
- D. Gió mạnh

Câu 20: Khi trong lục địa hình thành áp cao, ngoài đại dương hình thành áp thấp → Gió từ lục địa thổi ra đại dương gọi là loại gió gì ?



A. Gió mùa: mùa hạ

B. Gió mùa: mùa đông

C. Gió đất

D. Gió biển

Câu 21: Câu nào dưới đây không chính xác:

A. Sóng biển là hình thức giao động của nước biển theo chiều thẳng đứng

B. Sóng biển là hình thức giao động của nước biển theo chiều nằm ngang

C. Nguyên nhân chủ yếu sinh ra sóng thần là do động đất dưới đáy biển

D. Nguyên nhân chủ yếu của sóng biển và sóng bạc đầu là gió

Câu 22: Không khí nằm 2 bên của Frông có sự khác biệt cơ bản về:

A. Tốc độ di chuyển

B. Độ dày

C. Thành phần không khí

D. Tính chất vật lí

Câu 23: Nhận định nào dưới đây chưa chính xác:

A. Gió thường xuất phát từ các áp cao

B. Hai đai áp cao được ngăn cách với nhau bởi 1 đai áp thấp

C. Trên Trái Đất có 7 đai khí áp chính

D. Các đai khí áp phân bố liên tục theo các đường vĩ tuyến

Câu 24: Khối khí chí tuyến lục địa được kí hiệu là:

A. Tc

B. TC

C. Tm

D. TM

Câu 25: Trong số các nhân tố tự nhiên, nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất đối với sự phân bố của các thảm thực vật trên thế giới là:

A. Đất

B. Nguồn nước

C. Khí hậu

D. Địa hình

Câu 26: Giới hạn phía trên của sinh quyển là:

A. Giới hạn trên tầng đối lưu

B. Nơi tiếp giáp tầng ôdôn

C. Nơi tiếp giáp tầng iôn

D. Đỉnh Everest

Câu 27: Sự phân bố thực vật và đất theo độ cao chủ yếu phụ thuộc vào yếu tố:

A. Nhiệt độ và độ ẩm không khí.

B. Nhiệt độ và áp suất không khí.

C. Độ ẩm không khí và áp suất không khí.

D. Nhiệt độ và thời gian chiếu sáng.



Câu 28: Thủy triều lớn nhất khi nào ?

A. Trăng tròn

B. Trăng Khuyết

C. Không Trăng

D. Trăng Tròn hoặc không trăng

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Hãy vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện giá trị so sánh và nhận xét về độ che phủ rừng của nước ta qua các năm

Năm :	1943	1975	1990	2005
Độ che phủ rừng (%) :	42,4	29,1	27,9	37,6

-----**HẾT**-----



SỞ GD&ĐT CÀ MAU

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THPT PHAN NGỌC HIỂN

Môn: ĐỊA LÍ - Lớp: 10

(Thời gian làm bài 45 phút, không kể thời gian giao đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)**Câu 1: Càng lên cao khí áp càng giảm, nguyên nhân là do**

- A. không khí càng nhiều, nên sức nén giảm, khiến khí áp giảm.
- B. không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ, khiến khí áp giảm.
- C. gió thổi càng mạnh đẩy không khí lên, khiến khí áp giảm.
- D. không khí càng khô nên nhẹ hơn, khiến khí áp giảm.

Câu 2: Khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của sinh vật, chủ yếu thông qua các yếu tố

- A. khí áp, gió, nhiệt độ, nước, ánh sáng.
- B. nhiệt độ, nước, độ ẩm không khí, ánh sáng.
- C. gió, nhiệt độ, nước, ánh sáng.
- D. khí áp, nước, độ ẩm không khí, ánh sáng.

Câu 3: Phát biểu nào *không đúng* khi nói về cơ cấu dân số theo giới?

- A. Nước phát triển nữ nhiều hơn nam.
- B. Biến động theo thời gian.
- C. Nước đang phát triển nữ nhiều hơn nam.
- D. Khác nhau ở từng nước.

Câu 4: Nhận định nào sau đây *không đúng* về nguyên nhân thay đổi khí áp?

- A. Không khí chứa nhiều hơi nước thì khí áp giảm.
- B. Nhiệt độ tăng, khí áp tăng.
- C. Nhiệt độ giảm, không khí co lại nên khí áp tăng.
- D. Càng lên cao, khí áp giảm.

Câu 5: Phát biểu nào *không đúng* với lượng mưa phân bố trên Trái Đất?

- A. Mưa nhiều ở hai vùng ôn đới.
- B. Mưa càng ít, khi càng về hai cực Bắc và Nam.
- C. Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo.
- D. Mưa nhiều ở hai vùng chí tuyến Bắc và Nam.

Câu 6: Hướng hoạt động của gió Mậu dịch là

- A. tây nam ở bán cầu Bắc, tây bắc ở bán cầu Nam.
- B. đông nam ở bán cầu Bắc, đông bắc ở bán cầu Nam.
- C. tây bắc ở bán cầu Bắc, tây nam ở bán cầu Nam.
- D. đông bắc ở bán cầu Bắc, đông nam ở bán cầu Nam.

Câu 7: Nhân tố nào đóng vai trò chủ đạo trong sự hình thành đất?

- A. Khí hậu.
- B. Sinh vật.
- C. Thời gian.
- D. Địa hình.

Câu 8: Đá mẹ là nguồn cung cấp vật chất vô cơ cho đất, có vai trò quyết định tới



- A. lượng chất dinh dưỡng trong đất. B. đặc tính lí, hóa và độ tơi xốp của đất.
C. khả năng hút nước của đất. D. thành phần tính chất của đất.

Câu 9: Hiệu số giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô được gọi là

- A. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên. B. số dân trung bình cùng thời điểm.
C. gia tăng cơ học. D. nhóm dân số trẻ.

Câu 10: Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần phát triển tốt trên loại đất nào sau đây?

- A. Đất feralit đồi núi. B. Đất ngập mặn.
C. Đất chua phèn. D. Đất phù sa ngọt.

Câu 11: Động lực làm tăng dân số thế giới là

- A. tỉ suất tử thô. B. gia tăng dân số tự nhiên.
C. tỉ suất sinh thô. D. gia tăng cơ học.

Câu 12: Gió mùa là loại gió

- A. thổi vào mùa hạ theo hướng tây nam, tính chất của gió là nóng ẩm.
B. thổi vào mùa đông theo hướng đông bắc, tính chất của gió là lạnh khô.
C. thổi theo mùa, hướng và tính chất của gió ở hai mùa trái ngược nhau.
D. thổi quanh năm, hướng và tính chất của gió hầu như không thay đổi.

Câu 13: Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA
PHÁP, MÊ HI CÔ VÀ VIỆT NAM, NĂM 2000.**

Tên nước	Chia ra (%)		
	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Pháp	5,1	27,8	67,1
Mê hi cô	28,0	24,0	48,0
Việt Nam	68,0	12,0	20,0

Vẽ biểu đồ nào để thể hiện cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của Pháp, Mêhicô và Việt Nam, Năm 2000.

- A. đường. B. tròn.
C. kết hợp. D. cột.

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây *đúng* với gió Mậu dịch?

- A. Chủ yếu thổi vào mùa đông, lạnh khô, hướng gió thay đổi theo mùa.
B. Thổi quanh năm, hướng gió gần như cố định, tính chất chung là ẩm ướt.
C. Chủ yếu thổi vào mùa hạ, nóng ẩm, hướng gió thay đổi theo mùa.



D. Thổi quanh năm, hướng gió gần như cố định, tính chất chung là khô.

Câu 15: Sự chênh lệch giữa số người xuất cư và số người nhập cư được gọi là

A. gia tăng cơ học.

B. gia tăng dân số.

C. quy mô dân số.

D. gia tăng dân số tự nhiên.

Câu 16: Phạm vi hoạt động của gió Tây ôn đới là

A. thổi từ áp cao cận chí tuyến về áp thấp ôn đới.

B. thổi từ áp cao cực về áp thấp xích đạo.

C. thổi từ áp cao cận chí tuyến về áp thấp xích đạo.

D. thổi từ áp cao cực về áp thấp ôn đới.

II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 1: (3,0 điểm)

Hãy trình bày và giải thích hoạt động của gió biển, gió đất và gió fơn.

Câu 2: (3,0 điểm)

a. Phân biệt: Tỉ suất sinh thô và Tỉ suất tử thô.

b. Nêu ảnh hưởng của tình hình tăng dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

----- **HẾT** -----

www.hoc247.net



ĐÁP ÁN NĂM HỌC 2017 - 2018

MÔN ĐỊA LÍ – 10

Phần đáp án câu trắc nghiệm:

Câu	
1	B
2	B
3	C
4	B
5	D
6	D
7	A
8	D
9	A
10	B
11	B
12	C
13	B
14	D
15	A
16	A

Phần đáp án câu tự luận:**Câu 1: (3,0 điểm)**

Hãy trình bày và giải thích hoạt động của gió biển, gió đất và gió fơn.

Gió biển:(1.0 điểm).

Là loại gió hình thành ở vùng ven biển, gió thổi từ biển vào trong đất liền vào ban ngày. Do ban ngày lục địa nóng, không khí nở ra, tỉ trọng giảm xuống hình thành áp thấp, còn ở biển ngược lại nên gió từ biển thổi vào.

Gió đất:(1.0 điểm).

Là loại gió hình thành ở vùng ven biển, gió thổi từ đất liền ra biển vào ban đêm. Do ban đêm lục địa lạnh, không khí co lại, tỉ trọng tăng lên hình thành áp cao, còn ở biển ngược lại nên gió thổi từ đất liền ra biển.

Gió fơn:(1.0 điểm).



Là loại gió khô nóng khi xuống núi. Do mưa nhiều ở sườn đón gió không khí vượt qua sườn khuất gió thì không còn hơi nước nhiều để mưa nên không khí khô và nóng.

Câu 2: (3,0 điểm)

a. Phân biệt: (2,0 điểm)

*** *Tỉ suất sinh thô***

- KN: Là sự tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm.
- Đơn vị: ‰.
- Xu hướng: giảm rõ rệt.
- Yếu tố tác động:
 - + Tự nhiên- sinh học;
 - + Phong tục, tập quán và tâm lí xã hội;
 - + Trình độ phát triển KT-XH;
 - + Chính sách dân số của từng quốc gia...

*** *Tỉ suất Tử thô***

- KN: Là sự tương quan giữa số người chết trong năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm.
- Đơn vị: ‰.
- Xu hướng: giảm rõ rệt.
- Yếu tố tác động:
 - + Kinh tế - xã hội: chiến tranh, đói kém, bệnh tật...
 - + Thiên tai: động đất, núi lửa, hạn hán, bão lụt, sóng thần...

b. Nêu hậu quả của gia tăng dân số nhanh (1,0 điểm)

* ***Kinh tế***: gây sức ép, cản trở, kìm hãm sự phát triển kinh tế, thu nhập bình quân thấp...

* ***Xã hội***: gây sức ép về nhà ở, y tế, giáo dục; xã hội thiếu ổn định, tệ nạn xã hội, chất lượng cuộc sống giảm...

* ***Môi trường***: ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên...





Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường **PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An** và các trường Chuyên khác cùng **TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn**.

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học và Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: **TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn** cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

*HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí*

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.